TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
Tranh chấp về cấp dưỡng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Tâm

2. Ông Lưu Trọng Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2023; về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Châu Ngọc Thanh N, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Tổ E, khu phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Nơi ở hiện nay: Số nhà C, đường B, tổ A, thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Anh Lương Xuân D, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Tổ E, khu phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Chị Châu Ngọc Thanh N, anh Lương Xuân D tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ. Sau khi kết hôn chị N, anh D chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D tính tình bảo thủ, không biết chăm lo cho vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt, đi làm không đưa tiền cho chị N nuôi con, lo cho gia đình. Bản thân chị N nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh D vẫn không thay đổi. Do nhận thấy vợ chồng không hạnh phúc nên chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 7/2022 cho đến nay, cũng kể từ đó chị N, anh D ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì nhau. Nhận thây, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Chị N, anh D có 01 người con chung là Lương Ngọc Ánh M, sinh ngày 08/08/2020. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được quyền nuôi con và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bản thân chị N hiện đang làm công nhân tại Ông Đ, tỉnh Đồng Nai bình quân mỗi tháng thu nhập 10.000.000 đồng, ngoài ra không có khoản thu nhập nào khác.

Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Anh Lương Xuân D, chị Châu Ngọc Thanh N tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ. Sau khi kết hôn đời sống vợ chồng bình thường, không có nảy sinh mâu thuẫn gì trầm trọng. Bản thân anh D thỉnh thoảng có nhậu nhẹt với bạn bè; do thời điểm chung sống anh D, chị N làm nhà nên số tiền đi làm có được ngoài chi tiêu, anh D dành cho việc trả nợ, chứ không phải là không đưa cho chị N chăm lo cho con, gia đình. Vào khoảng tháng 7/2020 sau khi anh D kiểm tra điện thoại của chị N nhưng không được nên đập điện thoại, chị N giận dỗi bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ khi chị N bỏ đi anh D có đến khuyên bảo, động viên chị N quay về, nhưng chị chị N không gặp và chặn các cuộc gọi và mạng xã hội với anh D. Mặc dù thời gian vừa qua anh D, chị N có nảy sinh những hiểu lầm, tuy nhiên hiện nay anh D

vẫn còn tình cảm với chị N và mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nên đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho thời gian để khuyên bảo chị N thay đổi.

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh D có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay anh D đang làm Công nhân tại Ông Đ1, tỉnh Đồng Nai, mỗi tháng thu nhập khoảng 9.000.000 đồng, ngoài ra không có khoản thu nhập nào khác.

Anh D1, chị N có một ngôi nhà chung, tuy nhiên do không đồng ý lý hôn nên anh D1 không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn với anh D1; giao con chung cho chị N nuôi dưỡng và buộc anh D1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Lương Xuân D có nơi cư trú tại huyện Đ nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Châu Ngọc Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng tiền nuôi con nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng*" được quy định tại khoản 1, 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị Châu Ngọc Thanh N, anh Lương Xuân D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 24/12/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị N, anh D chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, nên thỉnh thoảng vợ chồng xảy ra cải vả. Mặc dù cả hai đã tự đồng viên, an ủi nhau thay đổi để chung sống hạnh phúc, nhưng không có kết quả. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị N không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa anh D thừa nhận cuộc sống vợ chồng thời gian qua có nảy sinh mẫu thuẫn và hiện nay anh D, chị N không còn sống chung với nhau. Mặc dù anh D cho rằng hiện nay vẫn còn tình cảm với chị N nên mong muốn có thế thời gian để hàn gắn. Thế nhưng, anh D cũng thừa nhận kể từ khi chị N bỏ về cha mẹ ruột thì anh có đến khuyên bảo, động viên chị N quay về nhưng chị N không đồng ý. Đồng thời kể từ sau ngày Tòa án hòa giải cho đến nay chị N anh D vẫn không về chung sống lại với nhau. Tại phiên tòa chị N vẫn cương quyết ly hôn và không mong muốn tiếp tục chung sống với anh D. Điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn.

Từ đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử cho chị N được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Qúa trình giải quyết vụ án chị N, anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Lương Ngọc Ánh M, sinh ngày 08/08/2020. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy cháu M là nữ, hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, đồng thời kể từ khi ly thân cho đến

nay cháu M do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần tiếp tục giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

[5] Qúa trình làm việc chị N có yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng. Nhận thấy yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị N là có căn cứ bởi lẽ chị N là người trực tiếp nuôi con, nên anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, ngoài ra mức cấp dưỡng 2000.000 đồng/tháng mà chị N đưa ra là phù hợp với mức sống tại địa phương, cũng như nhu cầu hiện tại của con. Do đó, cần buộc anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng như yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt trong trường hợp quy định tại Điều 118 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị N có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

[6] Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chị Châu Ngọc Thanh N phải chịu án phí ly hôn, anh Lương Xuân D phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

[8] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; các Điều 82, 83, 84; khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 2 Điều 2, Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Ngọc Thanh N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Châu Ngọc Thanh N được ly hôn với anh Lương Xuân D.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày ngày 24/12/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Châu Ngọc Thanh N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung Lương Ngọc Ánh M, sinh ngày 08/08/2020.

Anh Lương Xuân D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được ngăn cản. Trường hợp anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

3. *Về cấp dưỡng*: Anh Lương Xuân D phải cấp dưỡng tiền nuôi con Lương Ngọc Ánh M, sinh ngày 08/08/2020 cho chị Châu Ngọc Thanh N mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Chị N có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt khi phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. *Về án phí:* Chị Châu Ngọc Thanh N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014894, ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lương Xuân D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đức Linh;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- UBND TT Đức Tài;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường